

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **475**/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **26** tháng **02** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới
cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/QH25 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương có liên quan;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, TCGDNN. (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Tấn Dũng

KẾ HOẠCH

**Triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Quyết định số ~~476~~/QĐ-BLĐTBXH ngày 26 tháng 02 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Để triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp như sau:

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Dự án đầu tư công

a) Thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

b) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 (*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

c) Việc đầu tư theo danh mục các dự án ưu tiên nêu trên được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Dự án ưu tiên đầu tư có thể được điều chỉnh và quy định cụ thể trong từng giai đoạn đầu tư của dự án.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước ngoài vốn đầu tư công được ưu tiên bố trí để mua sắm tài sản, trang thiết bị; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo tiêu chí, tiêu chuẩn quy định của pháp luật để phục vụ mục tiêu phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch được thể hiện tại Phần II - Chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch và Phụ lục I - Kế hoạch triển khai nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Các chính sách, giải pháp thực hiện Quy hoạch thực hiện theo quy định tại Quyết định số 73/QĐ-TTg. Các bộ, ngành và địa phương căn cứ phạm vi quản lý, thực hiện đồng bộ, đầy đủ, có hiệu quả các chính sách, giải pháp đã được quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

a) Chủ trì tổ chức triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên cả nước và Kế hoạch này theo đúng quy định.

b) Là đầu mối giúp Bộ trưởng trong việc phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai thực hiện Quyết định số 73/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

c) Đề xuất hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương phối hợp triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch này.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án, đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

đ) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 73/QĐ-TTg và Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ và nguồn vốn giao cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thực hiện Quyết định 73/QĐ-TTg và các hoạt động tại Kế hoạch này.

b) Hướng dẫn Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện 73/QĐ-TTg.

d) Phối hợp với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Các Vụ, đơn vị thuộc Bộ

Phối hợp với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thực hiện các nội dung của Quyết định số 73/QĐ-TTg và Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao./.

Phụ lục I

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số 475/QĐ-BLDTBXH ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách			
a	Rà soát, hoàn thiện chính sách đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
d	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp để huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, kể cả hình thức hợp tác công - tư, liên doanh, liên kết.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
2	Phát triển nguồn nhân lực			
2.1	Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề			

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
a	Tổ chức, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo việc làm phù hợp, gắn với nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tinh giản biên chế và các chế độ, chính sách, quyền lợi đối với nhà giáo	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Ưu tiên nguồn lực tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, ưu tiên nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và các nước phát triển trong nhóm G20 có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho nhà giáo, đáp ứng yêu cầu giảng dạy ngành, nghề mới mà xã hội có nhu cầu	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Đẩy mạnh việc thu hút và phát triển đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề. Hình thành mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
d	Tăng cường năng lực các cơ sở thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2.2	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp			
a	Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo phân tầng chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hỗ trợ đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo nghề nghiệp (hoặc đào tạo kỹ năng nghề) tại doanh nghiệp..	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý tại các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Đẩy mạnh thu hút đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo			
a	Bố trí quỹ đất để phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khóa XV và các quy định về pháp luật đất đai khác có liên quan	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về xây dựng và thiết kế theo các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
c	Nâng cao hiệu quả và hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
d	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đạt chuẩn theo quy định	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Bảo vệ môi trường, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ.			
a	Tăng cường kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường do hoạt động đào tạo giáo dục nghề nghiệp tạo ra	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
b	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng điện, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng thay thế	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
c	Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới giáo dục nghề nghiệp, hệ thống thông tin quản lý giáo dục nghề nghiệp và phát triển, công nhận trình độ kỹ năng	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
d	Số hóa, xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông minh có khả năng kết nối, chia sẻ tài nguyên.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển			
a	Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN và thế giới, từng bước tiến tới công nhận kết quả đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
b	Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, cơ sở đào tạo đại học và sau đại học	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
c	Tăng cường các hoạt động hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo theo chuỗi, gắn kết với các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn với các doanh nghiệp.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
6	Đẩy mạnh truyền thông, hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp, nâng cao nhận thức của xã hội và phát triển hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp			
a	Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao tầm quan trọng, vị trí, vai trò của việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo nghề góp phần phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có kỹ năng nghề cao	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
b	Đẩy mạnh truyền thông về chủ trương, chính sách, cơ chế, đặc biệt là chủ trương, cơ chế, chính sách xã hội hóa nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
c	Phát triển hệ sinh thái truyền thông phù hợp với phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đối tác. Hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp phù hợp với cơ cấu nguồn nhân lực, việc làm sau đào tạo, vùng kinh tế - xã hội, đồng thời bảo đảm công tác phân luồng hợp lý gắn với nhu cầu của thị trường lao động	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
7	Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
a	Tăng cường hợp tác có hiệu quả giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các cơ sở đào tạo trong khu vực ASEAN, các nước thuộc nhóm G20; khuyến khích liên kết đào tạo và thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Đẩy mạnh thu hút đầu tư tài chính và kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ từ các tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế, từ các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển trong khu vực và trên thế giới, nhất là việc xây dựng, vận hành mô hình trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
c	Đẩy mạnh thực hiện các hiệp định, thỏa thuận song phương với các đối tác phát triển đầy nhanh quá trình công nhận kỹ năng nghề nghiệp giữa Việt Nam và các nước	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Hợp tác quốc tế, các bộ, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
8	Huy động và phân bổ vốn đầu tư			
a	Ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư các trường chất lượng cao, trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; đồng thời tập trung nguồn lực cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các vùng đặc biệt khó khăn, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo cho các đối tượng đặc thù.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quốc tế. Đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân thông qua các cơ chế, chính sách cụ thể	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, đặc biệt trong việc hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm ASEAN-4 và G20.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
9	Đổi mới và đa dạng mô hình quản lý, phương thức hoạt động			

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
a	Đa dạng hóa mô hình, phương thức quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập dựa trên tính chất, quy mô của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Đẩy mạnh phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn từ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến các cơ quan quản lý các cấp; từng bước thực hiện lộ trình tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Đổi mới chương trình và công tác tổ chức, quản lý đào tạo trên cơ sở chuẩn “đầu ra”. Triển khai mô hình quản lý, quản trị, vận hành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
10	Tổ chức thực hiện và giám sát, thực hiện quy hoạch			
a	Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Hỗ trợ tạo điều kiện phát triển, từng bước nâng cao chất lượng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo cho người dân tộc thiểu số; người khuyết tật; các ngành, nghề đặc thù	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Đẩy mạnh phát triển số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	đầu tư nước ngoài, trong đó ưu tiên các cơ sở đào tạo các ngành, nghề kỹ thuật - công nghệ cao tại các khu vực ngoài đô thị		dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	
d	Xây dựng, ban hành danh mục các ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo từng thời kỳ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2025-2030
đ	Kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm những nội dung đã được quy hoạch	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
e	Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Định kỳ 05 năm, 10 năm

Phụ lục II

KHUNG CHỈ SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số ~~475~~ QĐ-BLĐT BXH ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu (năm 2020)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
1	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp			
	Có 1.700 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm 380 trường cao đẳng, 390 trường trung cấp, 930 trung tâm giáo dục nghề nghiệp.	1.911 cơ sở, trong đó: 410 trường cao đẳng, 444 trường trung cấp, 1.057 trung tâm GDNN	1.700 cơ sở, trong đó: 380 trường cao đẳng, 390 trường trung cấp, 930 trung tâm GDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
2	Loại hình			
2,1	Công lập			
	Có 850 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, bao gồm: 260 trường cao đẳng, 110 trường trung cấp, 480 trung tâm giáo dục nghề nghiệp	1.223 cơ sở, trong đó: 313 trường cao đẳng, 213 trường trung cấp, 697 trung tâm GDNN	850 cơ sở, trong đó: 260 trường cao đẳng, 110 trường trung cấp, 480 trung tâm GDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
2,2	Tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài			
	Có 850 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm: 120 trường cao đẳng, 280 trường trung cấp, 450 trung tâm giáo dục nghề nghiệp.	688 cơ sở, trong đó: 97 trường cao đẳng, 231 trường trung cấp, 360 trung tâm GDNN	850 cơ sở, trong đó: 120 trường cao đẳng, 280 trường trung cấp, 450 trung tâm GDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu (năm 2020)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
3	Trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao			
	Có 06 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	06 trung tâm	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
4	Trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao			
	Có 12 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	12 trung tâm	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
5	Trường cao đẳng chất lượng cao			
	Có 90 trường chất lượng cao, trong đó 60 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20.	-	90 trường, trong đó: 60 trường tiếp cận trình độ các nước Asean-4; 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển nhóm G20	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
6	Phân bố mạng lưới theo vùng đến năm 2030			
6,1	Vùng trung du và miền núi Bắc bộ			

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu (năm 2020)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
	Chiếm khoảng 14% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước	15%	14%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	Có 01 - 02 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01-02 trung tâm	
6,2	Vùng đồng bằng sông Hồng			
	Chiếm khoảng 26% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước	29%	26%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	02-03 trung tâm	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	02-03 trung tâm	
6,3	Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ			
	Chiếm khoảng 26% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước	22%	26%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	01-02 trung tâm	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	01-02 trung tâm	

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu (năm 2020)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
6,4	Vùng Tây Nguyên			
	Chiếm khoảng 06% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước	06%	06%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	Có 01 - 02 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	01-02 trung tâm	
6,5	Vùng Đông Nam Bộ			
	Chiếm khoảng 17% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước	16%	17%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	Có 01-02 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	01-02 trung tâm	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	02-03 trung tâm	
6,6	Vùng đồng bằng sông Cửu Long			
	Chiếm khoảng 11% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước	12%	11%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	Có 01-02 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	01-02 trung tâm	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	-	01-02 trung tâm	

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu (năm 2020)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
7	Quy mô tuyển sinh, đào tạo			
7,1	Theo trình độ đào tạo			
	Đạt từ 3.800.000 đến 4.000.000 lượt người/năm, trong đó: trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm khoảng 25% - 30%.	2.260.000 lượt người/năm, trong đó: trình độ CĐ, TC chiếm 25%	3.800.000-4.000.000 lượt người/năm, trong đó: trình độ CĐ, TC chiếm 25%-30%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
7,2	Theo ngành, nghề			
	Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 1.800.000 lượt người, chiếm 45%; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 600.000 người, chiếm 15%; dịch vụ đạt 1.600.000 lượt người, chiếm 40%.	-	Công nghiệp và xây dựng đạt 1.800.000 lượt người, chiếm 45%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 600.000 người, chiếm 15%				
Dịch vụ đạt 1.600.000 người, chiếm 40%				
8	Đội ngũ nhà giáo GDNN			
8,1	Số lượng			
	Có 67.000 nhà giáo; phần đầu thu hút 50.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề tham gia vào giảng dạy các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp	73.616 nhà giáo	67.000 nhà giáo	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
			50.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề	

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu (năm 2020)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
8,2	Chất lượng			
	Khoảng 70% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ thạc sỹ trở lên; 30% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề đối với nhà giáo. Khoảng 65% nhà giáo đạt chuẩn để giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20	-	Khoảng 70% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ thạc sỹ trở lên	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
			30% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề đối với nhà giáo	
			Khoảng 65% nhà giáo đạt chuẩn để giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20	
9	Cán bộ quản lý GDNN			
9,1	Số lượng			
	Phấn đấu có 25.000 cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	-	25.000 người	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu (năm 2020)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
	<i>Trong đó: 800 cán bộ quản lý tại các trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.</i>		800 người	trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
9,2	Cơ cấu			
	Đạt khoảng 75% cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	-	75%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
9,3	Chất lượng			
	Khoảng 70% cán bộ quản lý các trường chất lượng cao, trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao đạt chuẩn tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20	-	70%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
10	Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, các công trình của cơ sở GDNN			
	100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đủ số lượng và diện tích các công trình; đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng, thiết kế và tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm,	-	100%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu (năm 2020)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
	<i>Trong đó có khoảng 50% cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao tiếp cận các chuẩn của khu vực ASEAN và quốc tế</i>		50%	
11	Thiết bị đào tạo			
	Khoảng 95% ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn thiết bị đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, thông minh, xanh phù hợp với công nghệ, kỹ thuật của thực tiễn sản xuất, đáp ứng yêu cầu của những ngành nghề mới, kỹ năng mới.	-	95%	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 475/QĐ-BLĐTBXH ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Danh mục dự án đầu tư	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030			Cơ quan chủ trì, phối hợp	Giai đoạn 2026 - 2030						Sau năm 2030
		Cao đẳng	Trung cấp	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp		I	II	III	IV	V	VI	
1	Đầu tư trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	6	-	-	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư	-	2-3	1-2	-	1-2	1-2	x
2	Đầu tư trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	12	-	-	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư	1-2	2-3	1-2	1-2	2-3	1-2	x
3	Đầu tư trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20	60	-	-	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư	60						x
4	Đầu tư trường chất lượng cao	90	-	-	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư	90						x
5	Đầu tư trường có các ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực, quốc gia	x	x	-	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư	x	x	x	x	x	x	x
6	Đầu tư trường đào tạo cho đối tượng, ngành nghề đặc thù	x	x	-	Các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư	x	x	x	x	x	x	x
7	Đầu tư phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý	x	x	x	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư	x	x	x	x	x	x	x

I: Vùng trung du và miền núi Bắc bộ
 II: Vùng đồng bằng sông Hồng

III: Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ
 IV: Vùng Tây Nguyên

V: Vùng Đông Nam bộ
 VI: Vùng đồng bằng sông Cửu Long